

Bản án số: 154/2018/HS-ST

Ngày: 08-10-2018.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thu Oanh; Ông Phạm Đức Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 143/2018/HSST ngày 07 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2018/QĐXXST-HS ngày 25/9/2018, đối với các bị cáo:

1. Trần Ngọc S; sinh ngày: 08/5/1989; giới tính: Nam; nơi cư trú: Tổ 01, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; con ông Trần Ngọc T, sinh năm 1950, nghề nghiệp: Làm ruộng và bà Bùi Thị L, sinh năm 1953, nghề nghiệp: Làm ruộng; gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con út; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định số 1679/QĐ-CT ngày 11/6/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội thành phố T, thời hạn 12 tháng; chấp hành xong ngày 02/6/2014. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28/6/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T. Bị cáo bị trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn T; sinh ngày: 17/12/1987; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn C, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; con ông Nguyễn Mạnh S, sinh năm 1949, nghề nghiệp: Làm ruộng, là bệnh binh 1/3, tỷ lệ 81% và bà Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1951, nghề nghiệp: Làm ruộng; gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con út; có vợ là Hoàng Thị K, sinh năm 1991, nghề nghiệp: Làm ruộng; chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định số 2128/QĐ-CT ngày 29/7/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục

- Lao động xã hội thành phố T, thời hạn 12 tháng; chấp hành xong ngày 01/8/2012. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28/6/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T. Bị cáo bị trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Anh Ngô Chí D, sinh năm 1979, nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

2. Anh Vũ Nhật H, sinh năm 1994, nơi cư trú: Tổ 31, phường D, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

3. Chị Trần Thị N, sinh năm 1982, nơi cư trú: Thôn G, xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

4. Ông Vũ Thế L, sinh năm 1963, nơi cư trú: Thôn R, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình (có mặt).

5. Anh Phạm Ngọc G, sinh năm 1993, nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện K, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1951, nơi cư trú: Khu 3, huyện H, tỉnh P (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1955, nơi cư trú: Phố B, tổ 20, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Hữu B, sinh năm 1989, nơi cư trú: Thôn S, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

3. Bà Trần Thị N, sinh năm 1960, nơi cư trú: Đường V, tổ 23, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền nên trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 6/2018, Trần Ngọc S và Nguyễn Văn T rủ nhau đi trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. S chuẩn bị vạm phá khóa, T sử dụng 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Jupiter màu đen bạc, biển số 19L1-9847 làm phương tiện đi trộm cắp tài sản.

Khoảng 10 giờ ngày 25/6/2018, S điều khiển xe Jupiter biển số 19L1-9847 chở T đi lang thang trên địa bàn thành phố T, khi đến khu vực Sở T tỉnh Thái Bình thuộc phường P, thành phố T, S phát hiện có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α màu trắng biển kiểm soát 17B2-179.04 trị giá 11.000.000 đồng của anh Ngô Chí D để tại lán xe. S nói với T đứng ngoài đợi, S lại dùng vạm phá ổ khóa điện của xe rồi đi ra bảo T dắt xe ra ngoài nhưng T nói chỉ đứng canh giới,

không dắt xe. Sơn bảo T ra ngoài đứng chờ còn S điều khiển xe về nhà anh Nguyễn Công Đ, gửi chiếc Jupiter tại nhà anh Đ rồi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α màu trắng, biển kiểm soát 17B2-21217 và 01 chiếc áo chống nắng của Đ anh Đ đồng ý. S điều khiển xe quay lại Sở T. S giao xe cho T và hẹn sau khi lấy được xe máy sẽ gặp nhau ở đường tránh S2, ngã 4 xã V, thành phố T. T chở S đi vào khu vực lán xe, S tiến lại gần và ngồi lên xe máy điều khiển bỏ chạy. Khi vừa ra đến cổng thì bị ông Nguyễn Đức V (là bảo vệ) phát hiện, tri hô nhưng S đã tăng ga chạy thoát. Lúc này T điều khiển xe chạy phía sau thì bị ông V đóng cổng lại, nghi vấn là T cùng thực hiện hành vi trộm cắp nên ông V đã báo cho Công an đến đưa T về trụ sở để làm việc. Sau khi lấy được xe máy, S điều khiển xe về nhà anh Đ, S để lại xe vừa trộm cắp được và lấy chiếc xe Jupiter đến chỗ hẹn gặp T. Chiếc xe máy mà S và T trộm cắp của anh D đã được Cơ quan điều tra thu hồi và trả lại cho anh D. Quá trình điều tra, Trần Ngọc S và Nguyễn Văn T tự giác khai nhận còn cùng nhau 02 lần khác thực hiện hành vi trộm cắp, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 16/01/2018, S điều khiển xe Jupiter biển số 19L1-9847 chở T đi qua quán game ở đường V, phường Q, thành phố T, S phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter màu trắng đen đỏ, biển kiểm soát 17B9-268.72 trị giá 30.000.000 đồng của anh Vũ Nhật H đang để trước cửa quán. Quan sát thấy không có người trông coi, S xuống xe tiến lại gần dùng vạm phá ổ khóa điện dắt xe xuống đường, điều khiển xe đến khu vực bên xe khách bán cho một người phụ nữ khoảng 35 tuổi, tên là Y (không biết rõ địa chỉ cư trú) lấy 5 triệu đồng. Số tiền bán xe S và T đã chi tiêu hết. Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc xe trên.

Vụ thứ hai: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 23/3/2018, S điều khiển xe Jupiter chở T lang thang tìm kiếm sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi đến khu vực trước cửa hàng bán gỗ của chị Trần Thị N, S phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S màu đen xám đỏ, biển kiểm soát 17B1-124.05 trị giá 4.318.000 đồng của chị N để ở trước cửa nhà. S xuống xe tiến lại gần dùng vạm phá khóa rồi dắt xe ra đường, điều khiển xe đến khu vực bên xe khách bán cho người phụ nữ tên Y lấy 3.500.000 đồng. Số tiền bán xe S và T đã chi tiêu hết. Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc xe trên.

Ngoài 03 vụ trộm cắp nêu trên, Trần Ngọc S còn tự giác khai nhận thực hiện 02 vụ trộm cắp khác. Cụ thể như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 10/4/2018, S đi bộ ra khu vực chợ J, thuộc phường L, thành phố T. Tại đây, S gặp anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1989, trú tại xóm 6, xã V, thành phố T, cả hai rủ nhau đi trộm cắp tài sản. D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng của D, không rõ biển số chở S. Khi đi đến trước cửa nhà ông Vũ Thế L, S phát hiện 01 xe máy điện nhãn hiệu MOMENTIUM màu đỏ đen, biển số MĐ9-025.22 trị giá 5.000.000 đồng để ở trong bếp nhà ông L. Quan sát thấy không có người trông coi, S xuống xe tiến lại gần, chiếc xe vẫn cắm chìa khóa ở ổ điện, S dắt xe ra đường, điều khiển về khu vực bên xe khách bán cho người phụ nữ tên Y lấy 1.500.000 đồng. Số tiền bán xe S và D đã chi tiêu hết. Cơ quan điều tra tiến hành triệu tập đối với D nhưng D đi khỏi địa phương, chiếc xe trên không thu hồi được.

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 27/5/2018, S đi bộ một mình đến trước cửa nhà anh Phạm Hữu B, quan sát thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 17B1-889.31 trị giá 5.000.000 đồng của anh Phạm Ngọc G đang để ở trước cửa nhà anh B. S tiến lại gần dùng vạm phá ổ khóa điện rồi dắt xe ra đường, điều khiển đến bến xe khách bán cho người phụ nữ tên Y lấy 3.000.000 đồng. Số tiền bán xe S đã chi tiêu hết. Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc xe trên.

- Kết luận định giá tài sản số 16/KLĐG-CATP ngày 27/6/2018, số 17/KLĐG-CATP ngày 02/7/2018 và số 18A/KLĐG-CATP ngày 05/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T kết luận: Xe mô tô Honda Wave α , màu trắng bạc, biển số 17B2-179.04 giá trị 11.000.000 đồng; 01 xe máy điện nhãn hiệu MOMENTIUM, màu đỏ đen, biển số MĐ9-025.22 giá trị 5.000.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu trắng đen đỏ, biển số 17B9-268.72 giá trị 30.000.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 17B1-889.31 giá trị 5.000.000 đồng.

- Kết luận định giá tài sản số 26/KLHD ngày 25/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V, tỉnh Thái Bình kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu đen xám đỏ, biển số 17B1-124.05 giá trị 4.318.000 đồng.

Cáo trạng số 151/CT-VKSNDTP ngày 06/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố Trần Ngọc S về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 điều 173 Bộ luật Hình sự và truy tố Nguyễn Văn T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 điều 173; điểm g khoản 1 điều 52; điểm r, s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 50; điều 58; điều 38 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Ngọc S mức án tù 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/6/2018. Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm g khoản 1 điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17; điều 50; điều 58; điều 38 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/6/2018.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 46; điều 48 Bộ luật Hình sự; điều 584; điều 585; điều 587 và điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho các bị hại là anh Vũ Nhật H 30.000.000 đồng, chị Trần Thị N 4.318.000 đồng. Tổng cộng là 34.318.000 đồng; phần của bị cáo S là 17.159.000 đồng, phần của bị cáo T là 17.159.000 đồng. Buộc bị cáo S phải bồi thường cho ông Vũ Thế L 5.000.000 đồng, anh Phạm Ngọc G 5.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự; điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Trả lại bà Nguyễn Thị Phương H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu đen, biển số 19L1-9847.

+ Trả lại bị cáo T 01 tờ giấy A4 có tiêu đề “Hợp đồng bán xe máy”.

+ Trả lại bị cáo T 01 ví giả da màu nâu, giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

+ Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả anh Nguyễn Công Đ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu trắng, biển số 17B2-212.17.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 áo chống nắng màu đỏ trắng.

- Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố và không tranh luận gì.

Bị hại không có ý kiến gì về tội danh đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của các bị cáo là chứng cứ để kết tội lẫn nhau và được chứng minh bởi các chứng cứ khác như: Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu (bút lục số 38-40); biên bản xác định vị trí, địa điểm (bút lục số 197, 206, 221, 237); đơn trình báo và lời khai của các bị hại: Anh Ngô Chí D, anh Vũ Nhật H, chị Trần Thị N, ông Vũ Thế L, anh Phạm Ngọc G (bút lục 238-244); bản kết luận định giá tài sản số 16/KLĐG-CATP ngày 27/6/2018, số 17/KLĐG-CATP ngày 02/7/2018, số 18A/KLĐG-CATP ngày 05/7/2018 của

Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T (bút lục số 55, 63, 68); bản kết luận định giá tài sản số 26/KLHĐ ngày 25/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V, tỉnh Thái Bình (bút lục 110); bản kết luận giám định số 12/KLGD-PC54 ngày 25/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (bút lục số 74); biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Phương H (bút lục số 257a); biên bản ghi lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Đức V, anh Nguyễn Hữu B và bà Trần Thị N (bút lục số 192-196, 247-248, 205a). Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, loại tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 6/2018, Trần Ngọc S và Nguyễn Văn T đã cùng nhau 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp 03 chiếc xe máy các loại, gồm: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 17B9-268.72; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave S, biển số 17B1-124.05 và 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave α , biển số 17B2-179.04. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt là 45.318.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo S còn 02 lần khác thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 17B1-889.31 và 01 chiếc xe máy điện, biển số MĐ9-025.22; tổng giá trị tài sản là 10.000.000 đồng. Vì vậy, bị cáo Trần Ngọc S đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Điều 173 Bộ luật Hình sự: Tội “Trộm cắp tài sản” quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm... 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: a) Có tổ chức; ... c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; ...”.

[3] Xét tính chất mức độ hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự, an ninh xã hội, gây tâm lý hoang mang lo lắng cho các chủ tài sản trong việc bảo quản tài sản của mình. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo. Đây là vụ án đồng phạm, Hội đồng xét xử cần đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án để cá thể hoá hình phạt với các bị cáo như sau: Bị cáo S chuẩn bị công cụ (vạm phá khóa), trực tiếp điều khiển xe máy tìm sơ hở để trộm cắp, trực tiếp thực hiện 05 lần trộm cắp tài sản (trong đó có 03 lần trộm cắp cùng với bị cáo T), trực tiếp đi tiêu thụ tài sản trộm cắp được, tổng trị giá tài sản mà bị cáo trộm cắp là

55.318.000 đồng, do đó bị cáo giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo T chuẩn bị phương tiện (xe máy), giúp sức cho bị cáo S thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản, tổng trị giá tài sản mà bị cáo cùng bị cáo S chiếm đoạt là 45.318.000 đồng, do đó bị cáo giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Trị giá tài sản mà bị cáo S chiếm đoạt là 55.318.000 đồng thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo T. Với việc đánh giá vai trò của các bị cáo như trên, các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng và cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều có nhân thân xấu, phạm tội 02 lần trở lên nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự khai ra các lần phạm tội trước đây nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo T có bố đẻ là bệnh binh nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α màu trắng biển số 17B2-179.04 mà các bị cáo đã chiếm đoạt của anh Ngô Chí D là chủ sở hữu, cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại cho anh Ngô Chí D, anh D đã nhận lại chiếc xe trong tình trạng còn nguyên vẹn, không có ý kiến, đề nghị gì nên không đặt ra giải quyết. Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng - đen - đỏ, biển số 17B9-268.72 mà các bị cáo đã chiếm đoạt của anh Vũ Nhật H trị giá 30.000.000 đồng; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S màu đen - xám - đỏ, biển số 17B1-124.05 mà các bị cáo đã chiếm đoạt của chị Trần Thị N là chủ sở hữu trị giá 4.318.000 đồng, bị cáo S đã bán 02 chiếc xe trên cho người tên là Y tại khu vực bến xe khách lấy tổng số tiền 8.500.000 đồng, các bị cáo cùng nhau chi tiêu hết, cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản nên cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường giá trị tài sản cho anh H và chị N, phần mỗi bị cáo là 50% giá trị tài sản. Đối với 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu MOMENTIUM màu đỏ - đen, biển số MĐ9-025.22 mà bị cáo S đã chiếm đoạt của ông Vũ Thế L là chủ sở hữu trị giá 5.000.000 đồng và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ - đen, biển số 17B1-889.31 mà bị cáo S đã chiếm đoạt của anh Phạm Ngọc G là chủ sở hữu trị giá 5.000.000 đồng, bị cáo S đã bán 02 chiếc xe trên cho người tên là T tại khu vực bến xe khách lấy tổng số tiền 4.500.000 đồng, bị cáo S đã chi tiêu hết số tiền trên, cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản nên cần buộc bị cáo S phải bồi thường giá trị tài sản cho ông L và anh G.

[6] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu đen - bạc, biển số 19L1-9847 mà các bị cáo đã sử dụng làm phương

tiện đi trộm cắp tài sản, cơ quan điều tra xác định được đây là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Phương H (mẹ đẻ của bị cáo T) cho T mượn để làm phương tiện đi lại, việc T sử dụng chiếc xe đi trộm cắp tài sản bà H không biết nên cơ quan điều tra không có hình thức xử lý gì đối với bà H là phù hợp và cần trả lại chiếc xe trên cho bà H. Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α màu trắng biển số 17B2-212.17 và 01 chiếc áo chống nắng màu đỏ - trắng mà bị cáo Sơn đã mượn của anh Nguyễn Công Đ, anh Đ không biết việc S sử dụng xe máy và áo chống nắng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên cơ quan điều tra không có hình thức xử lý gì đối với anh Đ và đã trả lại anh Đ chiếc xe trên là phù hợp cần chấp nhận, anh Đ đã nhận lại tài sản trong tình trạng còn nguyên vẹn, không có ý kiến, đề nghị gì nên không đặt ra giải quyết. Đối với 01 tờ giấy A4 có tiêu đề “Hợp đồng bán xe máy” thu giữ của bị cáo T không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo. Đối với 01 chiếc ví giả da màu nâu có kích thước 15x10cm thu giữ của bị cáo T không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. Đối với 01 chiếc áo chống nắng màu đỏ - trắng thu giữ của bị cáo S, bị cáo S mượn của anh Nguyễn Công Đ, anh Đ không đề nghị được trả lại, áo không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 chiếc vạm phá khóa mà bị cáo S dùng làm công cụ phạm tội, trong quá trình bỏ chạy khi trộm cắp xe của anh Ngô Chí D bị cáo đã làm rơi, cơ quan điều tra không thu hồi được nên không đặt ra giải quyết.

[7] Bị cáo S khai nhận sau khi trộm cắp được xe mô tô và xe máy điện đều mang đến khu vực bến xe khách bán cho 01 người phụ nữ khoảng 35 tuổi, tên là Y, không rõ địa chỉ. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không xác định được người phụ nữ nêu trên. Bị cáo S còn khai nhận 01 lần cùng với Nguyễn Ngọc D thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô, tuy nhiên cơ quan điều tra triệu tập thì Nguyễn Ngọc D đi vắng khỏi địa phương, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp cần chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 điều 173; điểm g khoản 1 điều 52; điểm r, s khoản 1 điều 51 (đối với bị cáo S); khoản 1 điều 173; điểm g khoản 1 điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 điều 51 (đối với bị cáo T); điều 17; điều 50; điều 58; điều 38; điều 46; điều 47; điều 48 Bộ luật Hình sự; điều 106 Bộ luật Tố tụng

hình sự; điều 584; điều 585; điều 587 và điều 589 Bộ luật Dân sự; điều 21; điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về tội danh: Bị cáo Trần Ngọc S và bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc S **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/6/2018.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **02** (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/6/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự:

3.1. Buộc bị cáo Trần Ngọc S phải bồi thường cho anh Vũ Nhật H 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng); bồi thường cho chị Trần Thị N 2.159.000đ (hai triệu một trăm năm mươi chín nghìn đồng); bồi thường cho ông Vũ Thế L 5.000.000đ (năm triệu đồng) và bồi thường cho anh Phạm Ngọc G 5.000.000đ (năm triệu đồng). Tổng số tiền bị cáo Trần Ngọc S phải bồi thường cho các bị hại là 27.159.000đ (hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi chín nghìn đồng).

3.2. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Vũ Nhật H 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng); bồi thường cho chị Trần Thị N 2.159.000đ (hai triệu một trăm năm mươi chín nghìn đồng). Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho các bị hại là 17.159.000đ (mười bảy triệu một trăm năm mươi chín nghìn đồng).

4. Về xử lý vật chứng:

4.1. Trả lại bà Nguyễn Thị Phương H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu đen, biển số 19L1-9847.

4.2. Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T 01 tờ giấy A4 có tiêu đề “Hợp đồng bán xe máy” ngày 17/6/2018.

4.3. Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T 01 ví giả da màu nâu, giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

4.4. Tịch thu tiêu hủy 01 áo chống nắng màu đỏ trắng.

(Vật chứng nêu trên cơ quan điều tra đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T ngày 07/9/2018).

4.5. Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả anh Nguyễn Công Đ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu trắng, biển số 17B2-212.17.

5. Về án phí:

5.1. Bị cáo Trần Ngọc S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.357.950 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 857.950 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bị cáo, bị hại (ông Vũ Thế L) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 08/10/2018. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP.Thái Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- CQĐT CATP.T;
- CQTHAHSCATP.T;
- Chi cục THADS TP.T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thái